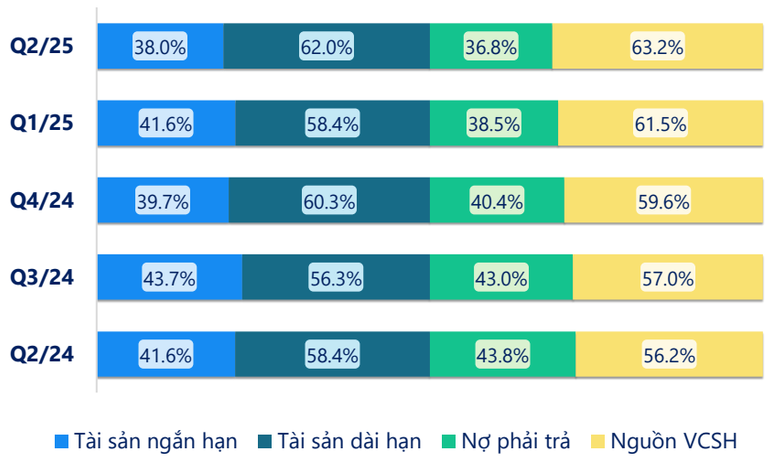
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	17,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,434
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,825
SL cổ phiếu LH	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	417,005
% sở hữu nước ngoài	4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,140
P/E	5.1
EPS	3,373

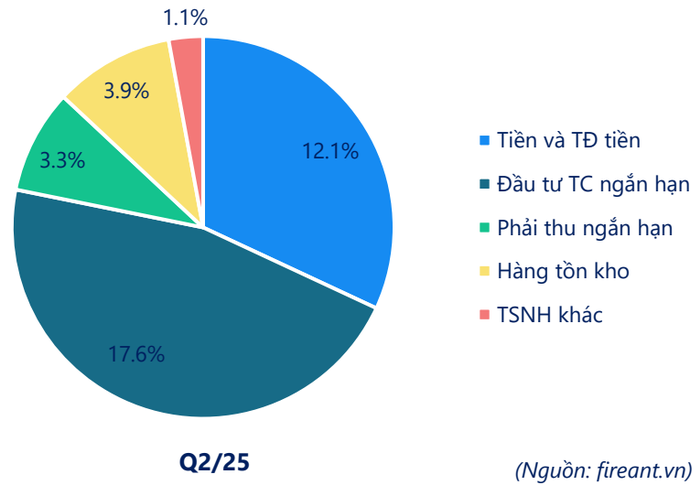
	YTD	1T	3T	6T
DTD	-26.4%	-1.7%	-10.0%	-28.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



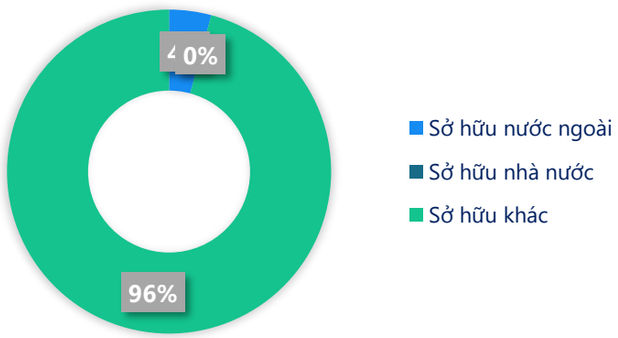
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



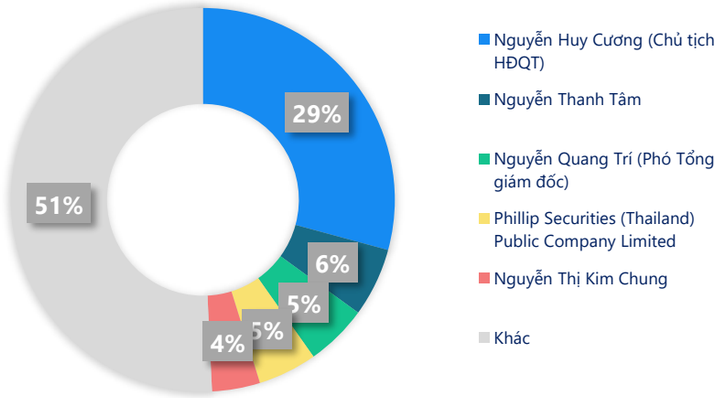
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



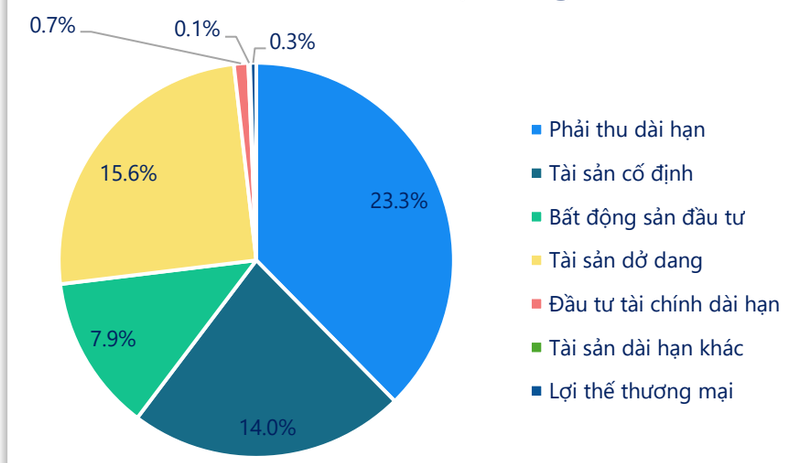
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

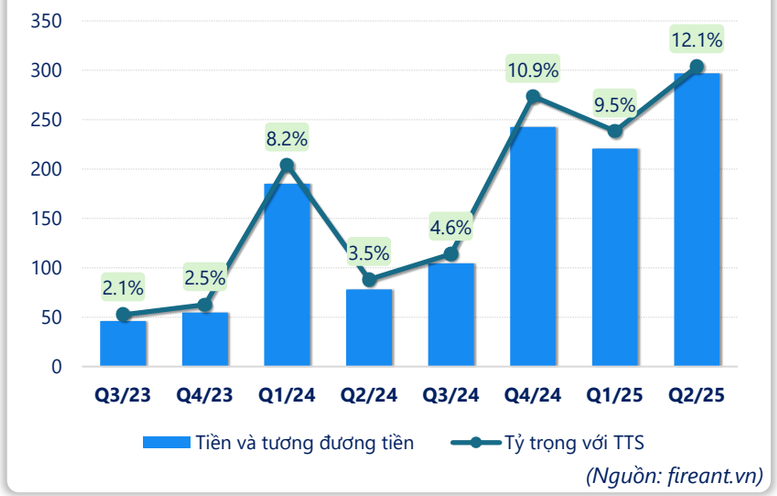


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

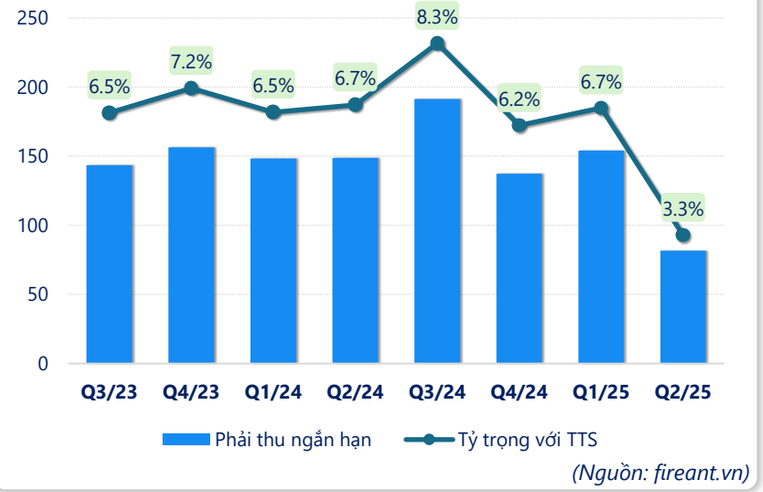
CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)

Tiền và tương đương tiền



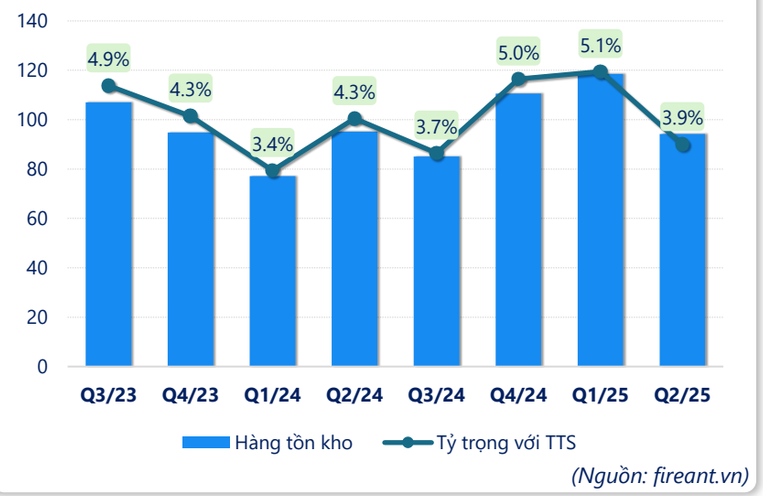
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



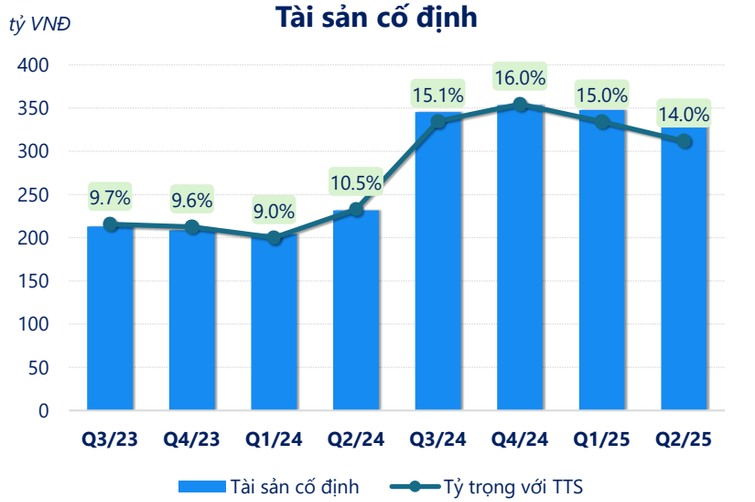
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



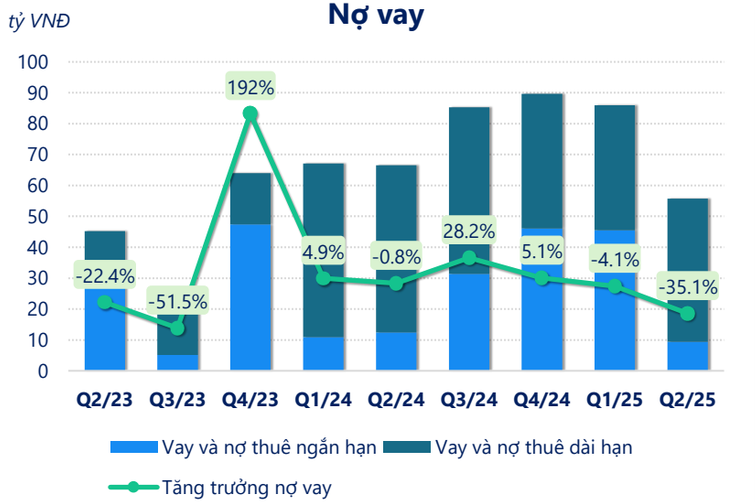
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



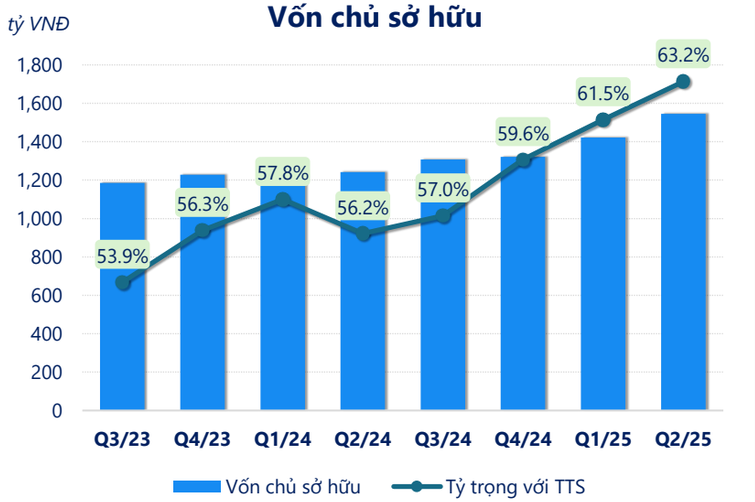
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

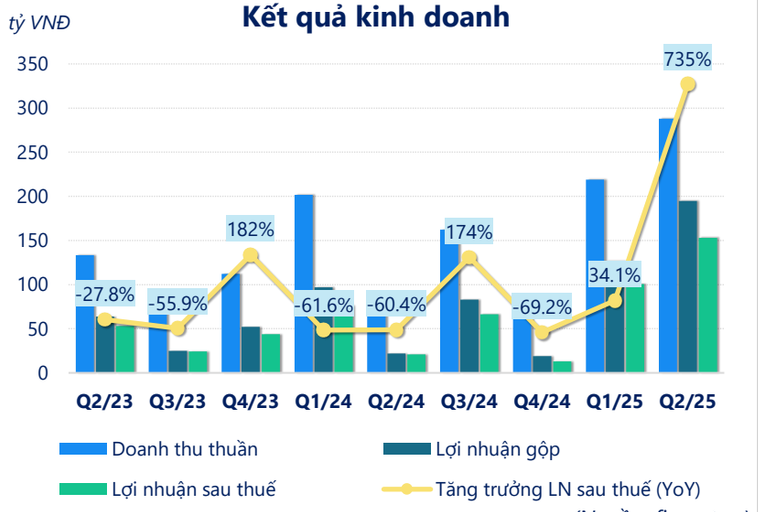
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

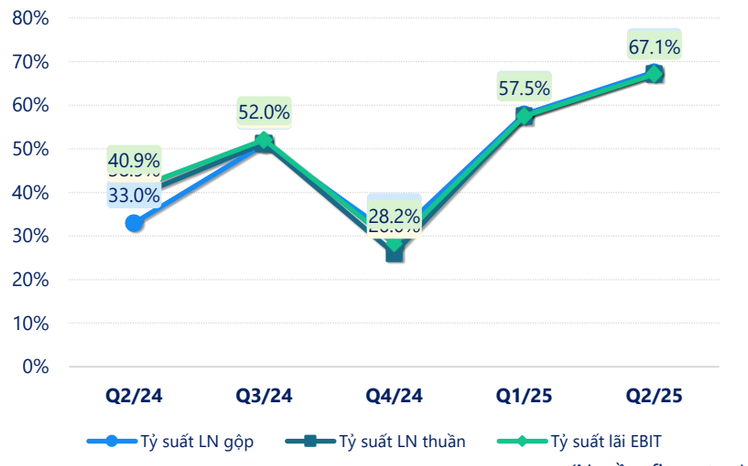
CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)

Kết quả kinh doanh



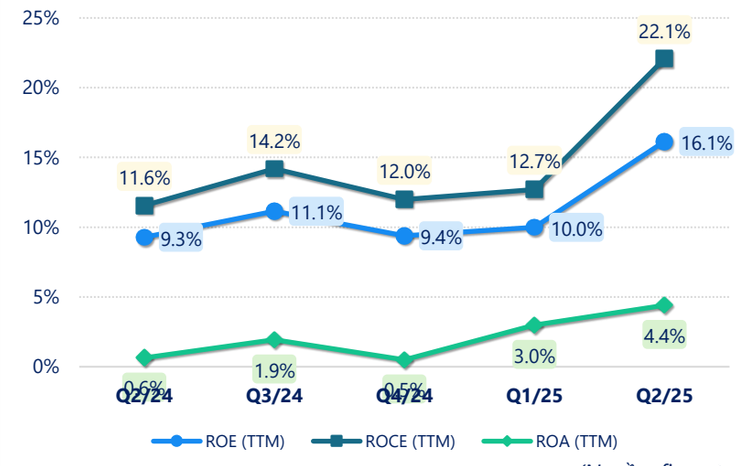
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



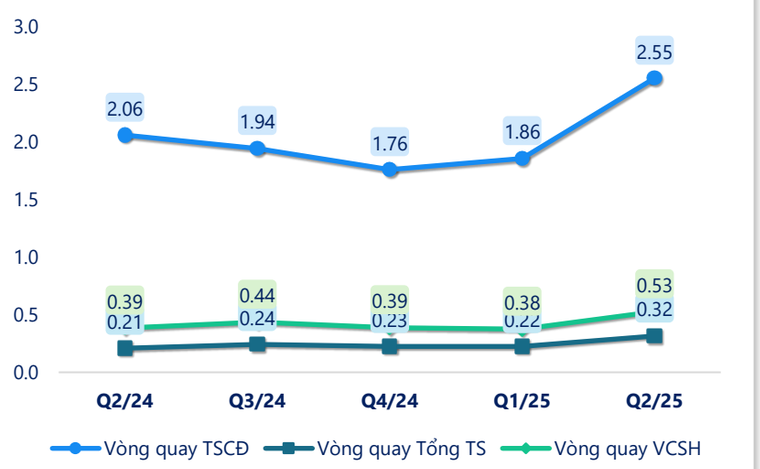
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



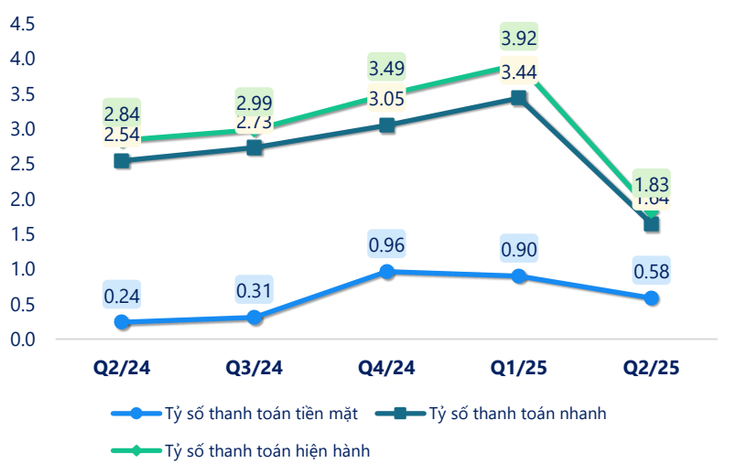
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



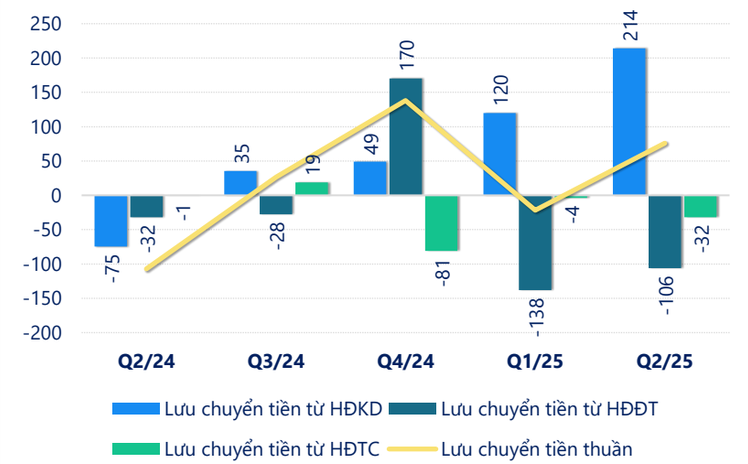
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,443**	**2,214**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	929	876	6.0%
Tiền và tương đương tiền	297	243	22.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	430	365	17.7%
Phải thu ngắn hạn	81.7	135	-39.6%
Hàng tồn kho	94.2	110	-14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	26.9	23.0	16.8%
Tài sản dài hạn	**1,514**	**1,338**	**13.2%**
Phải thu dài hạn	570	586	-2.7%
Tài sản cố định	343	353	-3.0%
Bất động sản đầu tư	193	2.00	9563%
Tài sản dở dang	380	368	3.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.7	17.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.11**	**1.12**	**88.2%**
Lợi thế thương mại	7.73	8.84	-12.5%
Nợ phải trả	899	893	0.6%
Nợ ngắn hạn	**508**	**254**	**100%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.40	46.0	-79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	10.8	92.8%
Nợ dài hạn	391	639	-38.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.4	43.6	6.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,545**	**1,321**	**17.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,545**	**1,321**	**17.0%**
Vốn điều lệ	667	575	16.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	66.5	162	64.1	219	288
Giá vốn hàng bán	44.6	79.5	45.0	92.3	93.2
Lợi nhuận gộp	21.9	82.8	19.1	127	195
Doanh thu HĐTC	11.1	8.72	8.80	5.15	7.77
Chi phí TC	1.36	1.38	1.74	1.47	0.47
Chi phí lãi vay	1.36	1.38	1.74	0	0.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.76	1.28	0.79	1.17	2.92
Chi phí QLDN	4.02	5.64	8.70	3.54	5.96
LN thuần từ HĐKD	25.9	83.3	16.7	126	193
Lợi nhuận khác	-0.08	-0.16	-0.32	0.27	-0.33
LN trước thuế	25.8	83.1	16.3	126	193
Lợi nhuận sau thuế	20.8	66.3	12.9	101	153
LNST của CĐ cty mẹ	14.0	43.3	11.0	68.2	102

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-74.8	35.2	48.9	120	214
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.8	-27.5	170	-138	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.54	18.7	-81.0	-3.68	-31.8
Tiền đầu kỳ	185	78.0	104	243	221
Lưu chuyển tiền thuần	**-107**	**26.4**	**138**	**-21.8**	**76.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	78.0	104	243	221	297

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic